TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN DK** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-01-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN DK - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Thị Hương

Ông Phạm Thanh Giản

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân quận DK, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận DK, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận DK, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 404/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L; nơi cư trú: Tổ dân phố TL, phường TTh, quận DK, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đào Xuân B; nơi cư trú: Tổ dân phố TL, phường TTh, quận DK, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bkết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTh, huyện K (nay là phường

TTh, quận D), thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm, anh Bghen tuông vô cớ, vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống. Mâu thuẫn kéo dài đến thời gian gần đây thì căng thẳng, hai vợ chồng hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay, chị và anh Bđã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh Bcó 02 con chung là cháu Đào Thị Hồng D, sinh ngày 01-7-2002 (đã trưởng thành) và cháu Đào Thị Hồng T, sinh ngày 25-9-2009. Khi ly hôn, chị đề nghị giao cháu T cho chị nuôi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Hai vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cũng như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B nhưng anh B không cung cấp lời khai, không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị L.

Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi chị L và anh B sinh sống, xác minh qua lời khai của mẹ đẻ anh B.

Trước khi mở phiên tòa, chị L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên toà, anh B vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận DK, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị L được ly hôn anh B. Về con chung: Chấp nhận đề nghị chị L, giao cho chị L trực tiếp nuôi con chung; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Về tài sản chung vợ chồng, không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết việc ly hôn với anh Đào Xuân B cư trú tại phường TTh, quận DK, thành phố Hải

Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận DK, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, chị L và anh Bđã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ. Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ các điều 227, điều 228 và điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh B.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Nguyễn Thị L và anh Đào Xuân B xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại nơi chị L, anh B cư trú và qua lời khai của đại diện gia đình anh Bđều xác định: Chị L và anh Bxảy ra mâu thuẫn đã lâu, gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn giữa chị L và anh B ngày càng trầm trọng, không hòa giải được. Hiện tại, chị L và anh B đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm tới nhau. Nay, chị L làm đơn xin ly hôn, anh B không cung cấp lời khai về việc ly hôn, cũng không có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải và đoàn tụ. Tòa án đã thông báo hòa giải cho anh B nhưng anh B đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị L xin ly hôn anh B là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[4] Chị Nguyễn Thị L và anh Đào Xuân B có 02 con chung cháu Đào Thị Hồng D, sinh ngày 01-7-2002 (đã trưởng thành) và cháu Đào Thị Hồng T, sinh ngày 25-9-2009. Cháu D đã trưởng thành nên không phải xem xét giải quyết; cháu T còn nhỏ và đang bị mắc bệnh về tâm thần đang thuộc đối tượng bảo trợ xã hội của Ủy ban nhân dân quận DK. Khi ly hôn, chị L đề nghị giao con chung là Đào

Thị Hồng T cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh tại địa phương, tại gia đình chị L anh B thấy: Cháu Đào Thị Hồng T đang ăn ở sinh hoạt ổn định cùng chị L, các điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc cháu đều đảm bảo; mặt khác cháu Tuyết là cháu gái nên cần giao cho chị L chăm sóc là phù hợp. Yêu cầu của chị L về việc giao con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp và nguyện vọng của con, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, cần giao con chung Đào Thị Hồng T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị L đề nghị được tự thỏa thuận không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung:

[5] Chị L và anh B không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Chị L và anh B đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 28, điều 35, điều 39, điều 147, điều 207, điều 227, điều 228, điều 238 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đào Xuân B.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Thị Hồng T, sinh ngày 25-9-2009 cho đến khi con đủ sức khỏe nuôi sống bản thân hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không phải xem xét giải quyết.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0003517 ngày 04 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận DK, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Đào Xuân B vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận DK ;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận DK ;
- UBND phường TTh (ĐKKH số 37/1998);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng